

# NHÀ THỜ HỌ ĐỖ. ĐỖ ĐẠI VƯƠNG TỪ

NGUYỄN THỨC - TÔ LI

**T**rong hệ thống các di tích hiện nay, có một loại hình khá đặc biệt, đó là di tích nhà thờ họ. Một trong những nhà thờ họ còn giữ được thể thức kiến trúc cũ cùng với hàng loạt di vật có giá trị lịch sử cao, đó là Nhà thờ họ Đỗ (xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội).

Nhà thờ tổ họ Đỗ tuy đã được sửa chữa trong nhiều thời kỳ, nhưng thông qua những hiện vật người ta có thể tin được niên đại khởi dựng từ đời Cảnh Hưng về trước, rồi vào cuối thế kỷ XVIII phần nào có sự tham gia của cả giai đoạn Tây Sơn và đặc biệt là vào giữa thế kỷ XIX ở đời Tự Đức. Ngoài ra, sau đó còn một số cuộc sửa chữa nhỏ khác... Tuy nhiên, ý thức về một kiến trúc gắn với tín ngưỡng vẫn được tuân thủ, nhất là đối với toà chính điện.

## 1. Kiến trúc

Trước hết, chúng tôi nhận thấy, có một đặc điểm riêng của di tích này là ở chỗ di tích có 5 gian trọn vẹn và 2 dĩ. Nhà không được tạo chái. Vì vậy, mái hồi ngắn khiến cho bờ dãi khá dài so với bờ guột (chỉ từ đầu cột quân góc ra đến cột hiên góc). Đương nhiên, người ta đã làm thêm một chiếc mái bằng bám lục vào đầu cột trốn của bộ vì nóc ngoài cùng. Hình thức này cũng đã từng gặp ở một vài di tích có niên đại tương đồng, như đình/đền Vẽ (Từ Liêm- Hà Nội) và tiền đường chùa Keo (Thái Bình)...

Trở lại với đặc điểm của Nhà thờ họ Đỗ, tính chất tín ngưỡng của nó vẫn lộ rõ ở sự phân tầng của kiến trúc, với bộ mái được coi như tầng trời, 2 đầu kim cong lên như 2 chiếc sừng trâu non, hội lại như biểu tượng của mặt trăng lưỡi liềm

trong ý thức cầu mùa màng bội thu (quan niệm của người xưa coi mặt trăng với ánh sáng của nó thường thúc đẩy cho nam nữ, đực cái muôn loài kết hợp với nhau để phát sinh, phát triển). Rồi những linh vật như lân, rồng ở đầu đao cũng gắn với thể lục tầng trên, đặc biệt là những hòn ngói tương đối cổ còn giữ được từ thời khởi dựng, với mũi ngói mang hình nửa bông cúc mãn khai, mà theo cách giải mã của một số nhà dân tộc học mỹ thuật đã ngờ, đó là biểu tượng của tinh tú.

Thân nhà là nơi để thờ thần linh trú ngụ, mà ở đây là Đỗ Đại vương cùng các thế hệ tiếp sau, cũng là nơi để con cháu tiếp cận với tổ tiên. Không gian này là trung tâm nên còn giữ được rất nhiều hiện vật quý (xem phần sau).

Tầng thứ ba ở bên dưới, trước đây không được lát nền, bởi người xưa quan niệm rằng, nếu lát thì âm dương cách trở sẽ không được dài dòng lớn họ được.

Về bộ khung nhà, được bố cục theo dạng chữ Nhị. Phía ngoài là tiền tế với kiến trúc 5 gian 2 dĩ, 6 hàng chân cột. Chiều rộng các gian giữa tương đồng nhau, đều khoảng 3m. Lòng nhà rộng hơn 9.5m.

Toà nhà này có lẽ do được sửa chữa nhiều, nên một số bộ phận có niên đại khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Thực ra vì kèo này có cột trốn kiểu ván, với đòn ngang đỡ bụng của kẻ mang tiết diện hình chữ nhật, đây là sản phẩm muộn nhưng từ đầu cột cái trở xuống kẻ ngói được chạm trở đơn giản, mà vẫn giữ được phong cách của thế kỷ XVIII, từ đầu cột quân

được nối với nhau bằng một chiếc xà lòng nối từ trong ra ngoài, ăn mộng qua cột cái.

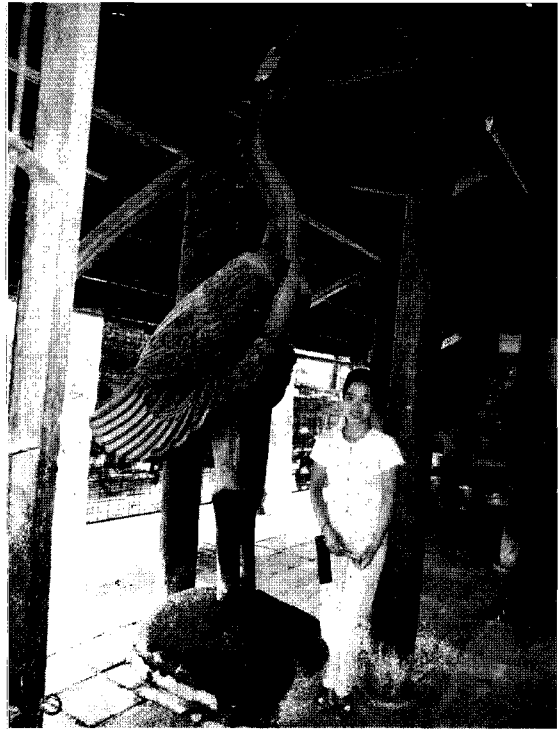
Từ đầu cột quân lại có một kẻ khác kiểu cong cổ ngỗng, chạy ra để đỡ mái hiên, với đầu kẻ cũng có đôi nét chạm dạng đao mác cách điệu. Dù sao tất cả những hoa văn trang trí ấy vẫn mang ý nghĩa như khẳng định về bộ mái thuộc tầng trời.

Ở phần ngang, nối các gian là hệ thống xà thượng, trung, hạ. Tại đầu các loại cột, đặc biệt phía dưới cột cái còn 1 hệ thống xà khác mang tư cách như những xà đai, chạy ra, nối với chiếc xà lòng ở 2 đầu đốc. Rất may cho kiến trúc này là đầu đốc vẫn còn giữ được những kết cấu gỗ, đó là những ván đố bung kín ở vì nóc và dưới qùa giang là hệ thống ván bổ đố ken nhau để trơn. Chỉ từ dưới xà lòng mới xây gạch và vôi vữa.

Nền nhà tuy 5 gian nhưng nay được bung 2 gian đầu để tạo thành 2 buồng cho con cháu ở. Nền 3 gian giữa hiện nay lát gạch Bát Tràng, màu đỏ, đặc biệt ở gian giữa vẫn giữ được một bàn thờ xây. Tuy được làm mới, có lẽ chỉ trước hoặc sau Cách mạng Tháng Tám, nhưng nó vẫn còn đọng lại ở đó một tục lệ tế Tam sinh (trâu khử bì- lợn bỏ bì, vì có quan niệm rằng, để da không được sạch sẽ, đó là một nhận thức rất gần đây, có lẽ ít nhất phải sau thời kỳ người Pháp có mặt trên đất Hà Nội).

Hậu cung là toà chính điện cũng được kết cấu theo kiểu 5 gian 2 dĩ, giống toà ngoài. Các kết cấu kiến trúc theo lối vì kèo kẻ chuyên. Tuy nhiên điện chính vẫn còn đầy đủ các bộ cửa bức bàn, xà ngưỡng, ngạch...

Hai toà nhà này có những cấu trúc tương đồng, song thực sự toà nhà trong giữ một vai trò quan trọng hơn, nên đã được quan tâm chạm trổ kỹ hơn, đặc biệt là ở đường diềm mái phía trước. Chúng ta có thể tìm được ở đây những hiện tượng vân xoắn và hoa lá thiêng cách điệu để hoá thành hổ phù đang oẹ mặt trắng ra. Đó là hình tượng chạm nổi đạt được giá trị nghệ thuật khá cao và ở đó nó vẫn chứa đựng một ước vọng phồn thực; no đủ, như muốn đặt cược với ông tổ của dòng họ có trách nhiệm đem hạnh phúc đến cho con cháu. Cũng như nhiều nhà thờ họ khác, toà nhà hậu này cũng thờ các vị tổ của dòng họ. Thông thường, các nhà thờ họ hầu như đều không có hậu cung, được kết



Hạc thờ tại Nhà thờ họ Đổ - Ảnh: T.L

cấu 3 gian 2 chái, với bàn thờ tổ chỉ đặt ở gian chính giữa, trên một sàn lửng, 2 gian bên là nơi nghỉ của ông trưởng tộc và nam giới, còn 2 chái hồi được đóng thành buồng kín, nhiều khi để làm kho và nơi nghỉ của bà chủ cùng nữ giới. Suy cho cùng, đa số các nhà thờ tổ đó đã mang hai chức năng, là nhà thờ và cũng là nhà ở, tuy nhiên nhiều khi đã có sự phân bố không gian khá rạch ròi.

Ở một số dòng họ lớn, thì đây đó, người ta đã kết cấu kiến trúc theo dạng chữ Đinh để tạo thành một hậu cung đóng kín, làm nơi ngự của tổ tiên. Còn ở tiền bái, đặt đồ nghi lễ và đôi khi cũng là nơi ngự của trưởng tộc. Trở lại với Nhà thờ họ Đổ, thì toà tiền bái hiện nay chỉ sử dụng 3 gian giữa cho việc liên quan đến thờ cúng những kiếp đời đã qua. Còn 2 gian đầu hồi, gần đây đã được bung kín lại để làm nơi ở của gia đình trưởng tộc và tất nhiên khi lòng tin ngưỡng bị sự ửng xử của đời thường lấn át thì đã có những biểu hiện "tranh chấp" giữa cõi siêu linh và cõi phàm tục. Với Nhà thờ họ Đổ, hiện nay có toà nhà sau cũng to lớn không kém gì toà nhà trước, đã được bung kín, mang tính chất như toà hậu cung. Trong xu thế chung của thời gian gần

đây và hiện tại mà hậu cung này không còn được nghiêm chỉnh như bản chất gốc của nó. Tuy nhiên, ở nơi ấy vẫn dành 3 gian giữa làm nơi thờ, với các khám thờ, ngai, bài vị, sập thờ và ban thờ nghiêm chỉnh.

## 2. Những hiện vật đáng quan tâm

### 2.1. Ở toà tiền bái

#### 2.1.1. Hoàn phi

Nơi đây hiện có 05 bức hoành phi: thông thường trong các di tích tín ngưỡng của người Việt, hoành phi và câu đối là những hiện vật gần như không thể thiếu. Tuy nhiên, những bức hoành phi có niên đại sớm thì rất hiếm. Hiện nay chúng ta mới chỉ tìm được 01 bức hoành phi sớm nhất có niên đại vào đời Dương Hoà (nửa đầu thế kỷ XVII), ghi tên chùa Bút Tháp (Ninh Phúc thiền tự). Những niên đại của hoành phi ở thời Lê Trung Hưng và Lê Mạt, đó đây chỉ thấy ở một vài di tích khác nữa. Nhưng tại Nhà thờ họ Đỗ, chúng ta đã gặp ba bức hoành phi để:

- Ngũ phúc lâm môn (Năm phúc- phú, quý, thọ, khang, ninh tràn ngập cửa nhà- Niên hiệu Cảnh Hưng 17- 1756.

- Vạn phúc du đồng (Vạn phúc lành cùng nhau kéo đến)- Niên hiệu Cảnh Hưng 18- 1757.

- Thiết thạch tinh trung (Lòng trung hiếu vững như sắt đá)- Niên hiệu Cảnh Hưng 21- 1760.

Hai bức trên viết theo thể chữ Hành, rất đẹp và cái riêng của nó ở đây được thể hiện dưới dạng bổ dọc. Bức thứ 3 viết theo thể chữ chân, như các bức hoành phi bình thường khác. Hiện tượng viết theo thể dọc như thế có lẽ đương thời không hiếm bởi phần nào chúng ta còn gặp ở đình Vẽ. Nhưng, bố cục này tạm coi như một sáng tạo của giới trí thức Nho học ở đất Đông Ngạc này.

#### 2.1.2. Về đôi hạc

Trong đối sánh với các hạc khác từ thế kỷ XVII trở về sau, thông thường hạc chỉ cao vừa đủ khoảng dưới 3m (2.5- 3m), nhưng cũng có một số di tích đã để lại cho chúng ta những đôi hạc khá cao (gần 3.5m), đó là những đôi hạc ở một ngôi đình thuộc Thường Tín và trong đất Đông Ngạc đã tìm được 01 đôi hạc tương đồng ở đình Vẽ, khoảng cùng thế kỷ XVIII, nhưng có niên đại muộn hơn một chút lại là đôi hạc ở đền thờ họ Đỗ này. Nếu như đôi hạc của đình Vẽ chỉ là sự phóng to hơn về kích thước so với những

đôi hạc thông thường, thì hạc ở Nhà thờ họ Đỗ thoảng qua cũng như vậy. Song chú ý kỹ thì rõ ràng đôi hạc này có cơ thể "trù phú" hơn, cổ mập hơn và đặc biệt đôi chân không có tỷ lệ cao như những hạc khác. Tổng hoà lại, đôi hạc này có dáng đầm ấm và gần với thực.

Có thể hiểu được hạc là một linh vật thiêng liêng, nó như được tượng trưng cho tầng trên, còn con rùa ở bên dưới tượng trưng cho tầng thấp, để tạo nên cặp âm dương đối đãi. Hạc có mắt phượng, mỏ cò lớn, tóc trĩ, mào lửa, lông gáy là biểu tượng như của mây trời, với hình rồng hoá từ lá thiêng và mây cuộn. Hội lại, hạc đã mang tính biểu tượng là, đầu đội công lý, đức hạnh và sức mạnh vô biên của trời đất, với mắt là mặt trời, mặt trăng, lông gáy gắn với sấm chớp, lưng cõng bầu trời, cánh là gió, lông là cây cỏ, chân là đất và nước (vì đứng trên rùa). Nó như hiện thân của cả vũ trụ, là ước vọng của người xưa muốn đặt ra với cả thần linh và thế gian. Những giá trị biểu tượng ấy còn được đặt vào các đề tài trang trí trên cánh và trên thân, đó là những đao mác và đao đuôi nheo cùng những vân xoắn để biểu tượng cho ánh sáng và tia chớp. Song, sự kết hợp của vân xoắn, đao đuôi nheo... trên cùng một mảng chạm đã cho chúng ta nghĩ tới niên đại của nó nằm trong thế kỷ XVIII, có lẽ đúng vào thời Cảnh Hưng. Phía dưới cánh là hình tượng của 2 con rồng ở 2 bên, nhô ra, như biểu tượng cho mây trời, cho nguồn hạnh phúc vô biên. Phối hợp lại với thân hình trụ phú và các biểu tượng, đã toát lên một ý thức cầu phồn thực, hay lời nhắn nhủ với thần linh, mà ở đây là tổ tiên của họ Đỗ: hãy theo gợi ý của con người đem đến cho họ sự hạnh phúc viên mãn...

Ngoài ra, gian tiền bái còn 2 bức long mã mang ý nghĩa:

Long = rồng, bay lên- gắn với kinh tuyến và thời gian.

Mã = Ngựa, chạy ngang- hoành, gắn với vĩ tuyến, không gian.

Vậy ý nghĩa cơ bản của long mã là tung hoành (chí khí nam nhi), đồng thời là "con vật vũ trụ" công cả thời gian và không gian chuyển động.

### 2.2. Hiện vật trong toà hậu cung

Nhìn chung, đây là nơi chứa những đồ thờ có tính chất điển hình, có thể coi như một mẫu mực



Kết cấu “Mái bằng” tại Nhà thờ họ Đố, Từ Liêm, Hà Nội - Ảnh: T.L

cho các nhà thờ họ khác. Niên đại của các hiện vật này chủ yếu vào thế kỷ XVIII, được gia chủ dày công thuê thợ tạo tác, nên đã để lại những sản phẩm nghệ thuật rất cao. Đó là một toà khám lớn vô cùng đẹp về cả bố cục lẫn chi tiết chạm khắc. Đương nhiên, chiếc khám này cũng đã được sửa chữa một phần ở các thời sau, đủ để chúng tỏ tấm lòng con cháu luôn hướng tới sự tôn trọng tổ tiên. Ở chiếc khám này, phần trên là 4 lớp chạm mang tính chất cửa vồng được tạc nổi hình rồng và những biểu tượng thiêng liêng trong sự cân đối, chuẩn mực. Nhưng đáng quan tâm hơn cả, lại là 5 bộ cửa thờ với 10 cánh cửa khám. Tất nhiên, đây là những cánh cửa có giá trị nghệ thuật mà mỗi cánh được chia làm 5 ô (2 ô lớn và 3 ô nhỏ) ken nhau theo chiều dọc. Song, hơn thế nữa, trong các ô kể trên, nhất là 2 ô lớn lại được chạm thủng các đề tài gắn với bát bửu để cho toàn bộ cửa và khám trở thành một tác phẩm điêu khắc đích thực phản ánh về ước vọng đa diện, đa chiều của người xưa giữa 2 thế giới tâm linh và thế gian...

Cùng với khám này còn có những đồ thờ liên quan khác như: bàn thờ, sập thờ... mà ở đó sự thao diễn nghệ thuật dưới hình thức chạm nổi, chạm thủng vô cùng đẹp. Song, đáng quan tâm

hơn cả là những đề tài đều theo dòng chảy của truyền thống dân tộc và đây đó chúng ta đã gặp được những hình mang tính biểu tượng, kế thừa gần gũi nghệ thuật chạm khắc từ thế kỷ XVI-XVII, đó là các đường diềm cánh sen (âm) lồng những bông cúc mãn khai (tượng cho dương) để tạo nên những cặp âm dương đối đãi. Rồi các đồ bát bửu, khiến chúng ta dễ nghĩ tới bóng dáng bát bửu khởi đầu ở khám Phật Tam thế của chùa Bút Tháp. Nhưng trong một vài đồ của hệ bát bửu, đã có sự phát triển mang đầy yếu tố dân gian, như hình tượng về chiếc lược đã được thể hiện cả lược thưa lẫn lược dày, đều nhau ở trung tâm của mảng chạm. Cạnh đó là những biểu tượng gần gũi với chày kim cương (?) ở trên khám thờ chùa Bút Tháp.

Nhìn chung, các đề tài chạm khắc có một giá trị khá đặc biệt là, những điển hình của giai đoạn chuyển tiếp giữa thế kỷ XVII và thế kỷ XIX (những hình tượng với nhiều nét chạm gần gũi với tạo hình của thế kỷ XVII, song cũng đầy những nét chạm như mở đầu cho mỹ thuật của thời Gia Long, Minh Mạng... Ở đây cũng có một số mảng chạm gần gũi với nghệ thuật của thời Tây Sơn như cửa chùa Tây Phương (hoa lá, đường diềm của long mã trên bộ kiệu...).

Một đặc điểm khác cũng không thể bỏ qua,

đó là những phỗng khá lớn châu bên bàn thờ chính, to như người thực. Hình thức của phỗng với đầu có 2 bấu tóc ở 2 bên chòm. Phục trang chỉ có chiếc yếm cổ và chiếc váy cũn cũn, 2 tay khuỳnh nâng ở trước mặt, ngực nở, bụng phệ, quỳ châu một cách kính cẩn. Tuy nhiên, nếu như phỗng của thế kỷ XVII với khuôn mặt găm ghi, gồ ghề cách điệu, mắt xếch, mũi sư tử, miệng rộng, thì những phỗng này đã như chuyển hoá theo một phong cách khác. Cụ thể là thân hình không còn phục phịch và cường điệu mạnh nữa. Đặc biệt là bộ mặt đã có nhiều nét chân dung, gần gũi hơn và không mang tính đe dọa, với nhiều chi tiết đã khá hiện thực. Đó là một phong cách mới, gần như mang sự khởi đầu của bước chuyển hoá. Ngoài ra ở trong toà nhà này còn nhiều đồ thờ khác, chúng ta sẽ dành lại cho những chương trình chuyên khảo khác.

### 2.3. Sự tích liên quan đến thần

Gia phả dòng họ Đỗ hiện đang lưu giữ tại nhà thờ chép như sau: Đại vương tên thật là Đỗ Thế Giai, sinh giờ Sửu ngày 21 tháng 10 năm Kỷ Sửu đời Vĩnh Thịnh (1709). Năm Bình Thịn niên hiệu Vĩnh Hựu, ngài thi Hội và đỗ Tam trường, được phong làm Huấn đạo huyện Trà Vinh. Năm Mậu Ngọ ngài làm hai bài văn chúc, được vào phủ chúa Trịnh giảng kinh. Khi chúa Trịnh Minh vương lên ngôi, giao cho ngài làm Quán hậu nội thuỷ đội. Năm Quý Hợi được thăng làm Tham nghị tỉnh Tuyên Quang. Năm Cảnh Hưng thứ 3 được phong làm Phó Chi binh phiên... Năm Cảnh Hưng thứ 11 lại được phong làm Suy trung tán trị cương chính công thần, cùng năm ấy, chúa Trịnh lại phong ông làm Thái tử. *Lịch triều hiến chương loại chí* từng viết: Đỗ Thế Giai rất được Ân Vương (Trịnh Doanh) tin sủng. Đền thờ ngài được phong là Đỗ Đại vương tử, trong đó còn lưu giữ bức hoành phi ghi 4 chữ Thượng đẳng phúc thần. Ngoài ra, trong bản gia

phả còn ghi một truyền thuyết về việc thần Độc Cước (1 trong 3 Thành hoàng của đình Vẽ) đã thi với ông tổ họ Đỗ xem ai là người có khả năng đi được trên hệ thống ngọn giáo trong sân đình, người nào thắng sẽ được trở thành một trong những Thành hoàng của đình. Chúng ta tạm hiểu rằng, thần Độc Cước vốn là thần biển cả, nhưng khi đã bước vào trong đồng thì ngài hoá thân với 2 chức năng:

- Thần sông biển
- Thần nông nghiệp

Với hoàn cảnh ở đất Đông Ngạc đồng mùa, thì việc cầu mưa luôn là ước vọng thường xuyên, mà các ngọn giáo phần nào như mang tính chất của sấm chớp, cho nên truyền thuyết đã chỉ ra cho chúng ta (dưới một giả thuyết để làm việc) vị thần nào điều khiển được sấm chớp thì vị thần đó được dân tôn sùng (vì có khả năng tạo nên mưa thuận gió hoà). Tất nhiên, tư duy liên tưởng vô bờ bến của người dân đã tin vào thần Độc Cước chứ không thể hội vào một nhân thần cụ thể. Vì thế, thần Độc Cước đã chiếm được thế thượng phong tại đình Vẽ. Sự xuất hiện của thần Độc Cước còn liên quan đến văn hoá biển thâm nhập vào vùng đất này dưới bóng dáng của nền kinh tế thương mại... Cuộc thi tài của thần với ông tổ họ Đỗ không hẳn để tranh hơn thua, mà đã biểu hiện về việc thiên- nhân dung hợp để đem hạnh phúc đến cho dân làng.

Suy cho cùng, đây là một nhà thờ họ đáng được xếp vào một trong những "kiến trúc tư nhân" khá đầy đủ, nó đủ sức là một điểm nhấn nổi bật của loại hình kiến trúc này, một tài sản văn hoá truyền thống có rất nhiều giá trị của đất thủ đô ngàn năm nói riêng và của cả nước nói chung. Nó cũng chính là một kiến trúc đóng vai trò như gạch nối giữa các giai đoạn văn hoá- nghệ thuật tạo hình trên dòng chảy của di sản văn hoá dân tộc./

N.T- T.L

### NGUYỄN THỨC- TÔ LI: THE WORSHIP HOUSE OF ĐỒ FAMILY

This article shows one kind of old architecture- typical worship house- in both its meanings and form in Hanoi today. Through this example, the author examines the special values of this architecture and objects inside the building, as well as try to decode and compare some objects of round sculpture and embossments with some other heritage sites.